BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
1	0701267	Kiều Thị Tuyết Mai	Nữ	A5	8.42	8.42	
2	0701428	Đinh Thị Thanh Thuỷ	Nữ	A3	8.41	8.41	
3	0701066	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	A5	8.35	8.35	
4	0701325	Nguyễn Phương Nhung	Nữ	A2	8.17	8.17	
5	0701399	Phạm Thị Thảo	Nữ	A6	8.00	8.00	
6	0701404	Nguyễn Sinh Thái	Nữ	A2	7.93	7.93	
7	0701492	Nguyễn Thu Vân	Nữ	A5	7.89	7.97	1
8	0701011	Phan Thị Vân Anh	Nữ	A3	7.85	7.85	
9	0701486	Phan Thị Uyên	Nữ	A4	7.85	7.85	
10	0701312	Nguyễn Thị Ngọc Nhâm	Nữ	A2	7.82	7.82	
11	0701004	Đỗ Thị Anh	Nữ	A2	7.80	7.80	
12	0701430	Lê Phượng Thuỷ	Nữ	A1	7.75	7.75	
13	0701296	Trần Thị Ngân	Nữ	A1	7.73	7.73	
14	0701055	Phạm Thị Thuỳ Dung	Nữ	A5	7.72	7.72	
15	0701365	Nguyễn Hồng Khánh	Nữ	A1	7.69	7.69	
16	0701048	Đinh Thị Doan	Nữ	A5	7.66	7.66	
17	0701491	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	A6	7.60	7.62	1
18	0701009	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	A5	7.57	7.57	
19	0701450	Đặng Thị Thu Trang	Nữ	A3	7.53	7.54	1
20	0701212	Trương Thị Thư Hường	Nữ	A4	7.52	7.67	3
21	0701003	Đinh Thị Lan Anh	Nữ	A3	7.50	7.53	1
22	0701106	Hoàng Vân Hà	Nữ	A3	7.49	7.49	
23	0701297	Trần Thuý Ngần	Nữ	A6	7.49	7.56	1
24	0701129	Cồ Minh Hằng	Nữ	A4	7.46	7.46	
25	0701510	Trịnh Thị Yến	Nữ	A4	7.46	7.46	
26	0701179	Nguyễn Thị Huê	Nữ	A6	7.44	7.44	
27	0701328	Trịnh Thị Nhung	Nữ	A5	7.44	7.44	
28	0701207	Vũ Thị Hương	Nữ	A3	7.40	7.49	2
29	0701345	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	A5	7.40	7.45	1
30	0701056	Phí Thị Thanh Dung	Nữ	A4	7.38	7.38	
31	0701342	Nguyễn Đức Phương	Nam	A3	7.37	7.42	1
32	0701475	Nguyễn Duy Tuyên	Nữ	A6	7.37	7.37	
33	0701209	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	A1	7.36	7.36	
34	0701227	Nguyễn Huy Khiêm	Nam	A3	7.34	7.42	1
35	0701019	Trần Thị Hồng ánh	Nữ	A1	7.32	7.32	
36	0701109	Nguyễn Thị Hà	Nữ	A1	7.32	7.50	3
37	0701110	Nguyễn Thị Hà	Nữ	A6	7.32	7.42	2
38	0701244	Đới Hải Linh	Nữ	A4	7.32	7.40	2
39	0701210	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	A6	7.31	7.39	2
40	0701358	Trần Thị Phượng	Nữ	A6	7.31	7.39	1
41	0701439	Hoàng Thị Minh Thư	Nữ	A5	7.29	7.37	1
42	0701113	Nguyễn Thu Hà	Nữ	A6	7.27	7.27	
43	0701115	Phạm Thu Hà	Nữ	A1	7.27	7.27	
44	0701028	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Nữ	A2	7.26	7.33	2
45	0701413	Trịnh Văn Thế	Nam	A5	7.24	7.28	1
46	0701346	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	A4	7.23	7.23	
47	0701350	Phạm Thị Thu Phương	Nữ	A6	7.20	7.31	3
48	0701483	Đào Thị Tươi	Nữ	A5	7.20	7.20	

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
49	0701051	Lê Thị Dung	Nữ	A3	7.19	7.36	4
50	0701246	Nguyễn Bảo Linh	Nữ	A3	7.19	7.22	1
51	0701498	Trần Đức Việt	Nam	A5	7.19	7.22	1
52	0701020	Vũ Ngọc ánh	Nữ	A6	7.18	7.36	2
53	0701455	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	A4	7.18	7.25	1
54	0701017	Lê Việt ánh	Nữ	A3	7.17	7.17	
55	0701183	Phạm Thị Huệ	Nữ	A3	7.17	7.19	1
56	0701440	Nguyễn Thị Thư	Nữ	A4	7.17	7.39	2
57	0701023	Hoàng Thị Bình	Nữ	A5	7.15	7.15	
58	0701181	Bùi Thanh Huệ	Nữ	A4	7.14	7.19	1
59	0701441	Nguyễn Thị Thư	Nữ	A3	7.14	7.35	3
60	0701457	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	A2	7.14	7.16	1
61	0701025	Trần Thị Bình	Nữ	A4	7.13	7.17	2
62	0701027	Mai Hương Cẩm	Nữ	A3	7.13	7.18	1
63	0701290	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	A6	7.13	7.23	1
64	0701360	Nguyễn Văn Phúc	Nam	A6	7.13	7.23	1
65	0701402	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	A3	7.13	7.13	
66	0701387	Dương Thị Thanh	Nữ	A1	7.12	7.21	2
67	0701448	Bùi Thị Huyền Trang	Nữ	A5	7.08	7.08	
68	0701453	Nguyễn Ngọc Đoan Trang	Nữ	A6	7.07	7.17	2
69	0701324	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	A3	7.06	7.14	2
70	0701395	Lê Thu Thảo	Nữ	A3	7.06	7.21	1
71	0701331	Nguyễn Công Nương	Nữ	A3	7.05	7.05	
72	0701311	Vũ Thị Nguyệt	Nữ	A3	7.04	7.04	
73	0701293	Trịnh Thị Nga	Nữ	A3	7.03	7.03	1
74	0701401	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	A4	7.02	7.04	1
75	0701193	Nguyễn Tạ Mai Huyền	Nữ	A5	7.01	7.07	2
76	0701199	Bùi Thị Lan Hương	Nữ	A4	7.01	7.05	1
77	0701053	Nguyễn Thị Dung	Nữ	A1	7.00	7.04	1
78	0701136	Phạm Thị Hằng	Nữ	A3	7.00	7.18	3
79	0701348	Nguyễn Thu Phương	Nữ	A2	7.00	7.00	
80	0701400	Trần Thị Thảo	Nữ	A5	7.00	7.04	2
81	0701226	Lê Đình Khánh	Nam	A4	6.99	7.21	5
82	0701239	Ngô Thị Liên	Nữ	A1	6.99	7.20	3
83	0701152	Đinh Thị Diệu Hoa	Nữ	A6	6.98	7.02	1
84	0701406	Đặng Thị Thắm	Nữ	A1	6.98	7.12	2
85	0701185	Chử Quốc Huy	Nam	A2	6.97	7.02	2
86	0701191	Dương Thanh Huyền	Nữ	A1	6.97	7.08	2
87	0701339	Lê Thị Anh Phương	Nữ	A3	6.97	6.97	
88	0701357	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	A1	6.97	7.00	1
89	0701264	Đỗ Thị Hoa Lý	Nữ	A1	6.96	7.03	2
90	0701368	Đinh Thị Quyên	Nữ	A4	6.95	7.13	2
91	0701434	Trần Thu Thuỷ	Nữ	A3	6.95	7.05	1
92	0701485	Trương Thanh Tùng	Nam	A5	6.94	7.09	4
93	0701095	Phùng Bá Đức	Nam	A6	6.92	7.02	2
94	0701504	Đỗ Thị Yến	Nữ	A3	6.92	7.13	3
95	0701202	Nguyễn Lan Hương	Nữ	A1	6.91	7.09	3
96	0701373	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	Nữ	A6	6.91	6.94	1

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
97	0701131	Lê Thị Hằng	Nữ	A2	6.90	6.99	2
98	0701218	Phạm Văn Hùng	Nam	A5	6.90	7.02	3
99	0701451	Lê Huyền Trang	Nữ	A2	6.89	6.93	1
100	0701249	Trần Thị Thuỳ Linh	Nữ	A2	6.87	6.92	2
101	0701275	Nguyễn Thị Mi	Nữ	A2	6.87	7.08	3
102	0701287	Nguyễn Thị Nga	Nữ	A3	6.86	7.05	4
103	0701411	Phan Thị Thắng	Nữ	A6	6.86	6.91	2
104	0701221	Võ Viết Hùng	Nam	A2	6.84	7.00	4
105	0701096	Trần Văn Đức	Nam	A5	6.83	6.98	3
106	0701120	Vũ Mạnh Hà	Nam	A2	6.82	6.91	4
107	0701204	Nguyễn Thu Hương	Nữ	A5	6.82	6.85	2
108	0701353	Trịnh Mai Phương	Nữ	A4	6.82	6.95	3
109	0701473	Ngô Anh Tuấn	Nam	A2	6.81	6.81	
110	0701282	Nguyễn Văn Nam	Nam	A2	6.80	6.90	2
111	0701175	Phùng Thị Hồng	Nữ	A3	6.79	6.79	
112	0701201	Hồ Thị Lan Hương	Nữ	A2	6.78	6.96	4
113	0701354	Võ Thị Mai Phương	Nữ	A3	6.78	6.91	3
114	0701263	Nguyễn Thị Hiền Lương	Nữ	A2	6.77	6.92	4
115	0701507	Nguyễn Thị Yến	Nữ	A2	6.77	6.84	1
116	0701241	Lê Thị Liễu	Nữ	A5	6.75	6.75	
117	0701254	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	A5	6.75	6.80	2
118	0701416	Đỗ Thị Hồng Liên	Nữ	A4	6.75	6.78	2
119	0701119	Vũ Hoàng Hà	Nữ	A3	6.74	6.75	1
120	0701146	Hoàng Thị Hiến	Nữ	A2	6.74	6.82	2
121	0701253	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Nữ	A6	6.74	6.82	2
122	0701443	Đỗ Thị Thùy	Nữ	A1	6.74	6.91	3
123	0701462	Nguyễn Thị Trang	Nữ	A4	6.74	6.83	3
124	0701315	Ngô Ta Nhi	Nữ	A5	6.73	6.91	4
125	0701408	Ngô Quốc Thắng	Nam	A2	6.70	6.74	1
126	0701356	Phạm Tuấn Phước	Nam	A5	6.69	6.75	2
127	0701133	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	A6	6.67	6.79	3
128	0701135	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	A4	6.67	6.87	4
129	0701271	Lê Đình Mạnh	Nam	A2	6.67	6.78	3
130	0701489	Nguyễn Thị Vân	Nữ	A2	6.67	6.74	2
131	0701036	Nguyễn Đăng Công	Nam	A4	6.66	6.75	3
132	0701054	Nguyễn Thuỳ Dung	Nữ	A6	6.64	6.99	5
133	0701231	Dương Thị Lan	Nữ	A1	6.64	6.76	4
134	0701398	Phan Thị Thu Thảo	Nữ	A1	6.64	6.69	1
135	0701433	Nguyễn Thị Lệ Thuỷ	Nữ	A4	6.64	6.97	6
136	0701281	Nguyễn Thị Lê	Nữ	A3	6.63	6.77	2
137	0701347	Nguyễn Thị Thủy Phương	Nữ	A3	6.63	6.75	2
138	0701391	Nguyễn Thị Thao	Nữ	A5	6.63	6.75	3
139	0701289	Nguyễn Thị Nga	Nữ	A1	6.62	6.65	1
140	0701041	Nguyễn Đức Cường	Nam	A5	6.61	6.74	4
141	0701088	Vũ Phương Đông	Nam	A1	6.61	6.77	4
142	0701355	Vũ Thị Phương	Nữ	A2	6.61	6.75	3
143	0701334	Phạm Thị Thuý Oanh	Nữ	A6	6.60	6.62	1
144	0701177	Vũ Thị Hợi	Nữ	A1	6.59	6.64	1

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
145	0701301	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	A3	6.59	6.69	2
146	0701306	Nguyễn Văn Ngọc	Nam	A4	6.59	6.78	5
147	0701079	Phạm Thị Bích Đào	Nữ	A3	6.58	6.82	4
148	0701478	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	A3	6.58	6.72	3
149	0701073	Lê Thị Dung	Nữ	A4	6.57	6.71	4
150	0701200	Đoàn Thị Hương	Nữ	A3	6.57	6.68	2
151	0701224	Nguyễn Thị Khanh	Nữ	A3	6.57	6.72	4
152	0701251	Cao Thị Loan	Nữ	A2	6.57	6.82	6
153	0701415	Bùi Thị Thiết	Nữ	A5	6.57	6.65	3
154	0701432	Nguyễn Thị Thuỷ	Nữ	A5	6.57	6.67	3
155	0701484	Phạm Thanh Tùng	Nam	A6	6.55	6.71	5
156	0701072	Nguyễn Việt Dũng	Nam	A3	6.54	6.67	3
157	0701184	Tống Thị Huệ	Nữ	A2	6.54	6.68	4
158	0701359	Trần Thị Phượng	Nữ	A5	6.54	6.86	3
159	0701047	Vũ Thị Minh Diệp	Nữ	A6	6.53	6.63	3
160	0701389	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	A6	6.53	6.56	1
161	0701122	Đỗ Thị Hoàng Hải	Nữ	A2	6.52	6.74	3
162	0701273	Nguyễn Sỹ Mạnh	Nam	A3	6.51	6.61	3
163	0701101	Hoàng Thị Hương Giang	Nữ	A6	6.50	6.93	4
164	0701322	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	A5	6.50	6.59	3
165	0701333	Lê Thị Oanh	Nữ	A5	6.50	6.75	4
166	0701035	Nguyễn Đức Chung	Nam	A5	6.49	6.61	4
167	0701052	Nguyễn Phương Dung	Nữ	A2	6.49	6.54	2
168	0701071	Nguyễn Văn Dũng	Nam	A4	6.49	6.55	2
169	0701230	Nguyễn Thị Kỳ	Nữ	A2	6.49	6.69	5
170	0701302	Nguyễn Hải Ngọc	Nữ	A2	6.49	6.75	3
171	0701285	Mai Thị Nga	Nữ	A5	6.47	6.67	4
172	0701022	Phạm Huy Bách	Nam	A5	6.46	6.68	6
173	0701008	Nguyễn Đức Anh	Nam	A1	6.45	6.92	6
174	0701094	Phạm Văn Đức	Nam	A1	6.44	6.57	5
175	0701132	Ngô Thị Hằng	Nữ	A1	6.44	6.66	6
176	0701240	Thân Thị Liên	Nữ	A6	6.44	6.62	3
177	0701320	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	A1	6.43	6.60	4
178	0701527	Nguyễn Thanh Mai	Nữ	A6	6.42	6.61	6
179	0701069	Đỗ Quốc Dũng	Nam	A6	6.41	6.52	3
180	0701335	Lê Thị Phi	Nữ	A5	6.41	6.70	4
181	0701476	Lê Thị Tuyết	Nữ	A5	6.41	6.55	3
182	0701341	Ngô Thị Lan Phương	Nữ	A2	6.39	6.63	5
183	0701369	Lưu Thị Quyên	Nữ	A3	6.39	6.70	5
184	0701006	Lương Ngọc Vân Anh	Nữ	A6	6.38	6.79	9
185	0701116	Trần Thanh Hà	Nữ	A6	6.37	6.60	4
186	0701012	Phạm Thị Mai Anh	Nữ	A2	6.34	6.58	5
187	0701233	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	A5	6.34	6.46	4
188	0701488	Nguyễn Ngọc Vân	Nữ	A3	6.34	6.51	5
189	0701493	Nông Thị Vân	Nữ	A4	6.34	6.77	8
190	0701383	Nguyễn Văn Tân	Nam	A5	6.32	6.55	5
191	0701291	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	A5	6.31	6.57	8
192	0701437	Chu Thị Thuý	Nữ	A5	6.31	6.53	7

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
193	0701108	Lường Thị Thu Hà	Nữ	A2	6.30	6.46	4
194	0701284	Lương Thị Nga	Nữ	A6	6.30	6.63	8
195	0701107	Lê Thị Hà	Nữ	A2	6.29	6.63	5
196	0701013	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	A1	6.28	6.51	5
197	0701033	Trần Thị Kim Anh	Nữ	A3	6.28	6.41	4
198	0701128	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	A5	6.28	6.65	8
199	0701528	Vũ Thị Lý	Nữ	A2	6.28	6.53	7
200	0701007	Nguyễn Chí Đức Anh	Nam	A2	6.27	6.57	8
201	0701436	Chu Thị Thuý	Nữ	A1	6.27	6.58	5
202	0701005	Lê Thị Vân Anh	Nữ	A1	6.26	6.52	6
203	0701125	Nguyễn Thị Hải	Nữ	A1	6.26	6.77	7
204	0701163	Trần Thị Hoài	Nữ	A6	6.25	6.63	6
205	0701262	Nguyễn Thị Lương	Nữ	A3	6.25	6.73	7
206	0701173	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	A5	6.24	6.32	3
207	0701065	Nguyễn Thuỳ Dương	Nữ	A6	6.23	6.57	4
208	0701189	Lê Ngọc Huy	Nam	A4	6.23	6.67	8
209	0701316	Ngô Văn Nhiệm	Nam	A2	6.22	6.46	6
210	0701323	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	A4	6.22	6.40	4
211	0701499	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	A6	6.22	6.44	6
212	0701506	Lê Thị Hải Yến	Nữ	A2	6.22	6.38	5
213	0701502	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	A5	6.21	6.44	7
214	0701503	Trần Thị Xuân	Nữ	A4	6.21	6.34	2
215	0701343	Nguyễn Lan Phương	Nữ	A1	6.20	6.45	7
216	0701477	Lương Thị Minh Tuyết	Nữ	A4	6.20	6.42	6
217	0701176	Trần Thị Hồng	Nữ	A2	6.19	6.37	4
218	0701460	Trần Quỳnh Trang	Nữ	A6	6.19	6.44	7
219	0701438	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	A6	6.18	6.61	8
220	0701203	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	A6	6.17	6.34	7
221	0701423	Lê Thị Thu	Nữ	A1	6.17	6.38	5
222	0701021	Nguyễn Trọng Bân	Nam	A6	6.16	6.38	5
223	0701142	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	A4	6.16	6.55	8
224	0701319	Lê Thị Nhung	Nữ	A2	6.16	6.43	6
225	0701326	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	A1	6.16	6.26	3
226	0701444	Hoàng Hải Thùy	Nữ	A6	6.16	6.39	6
227	0701497	Nguyễn Thị Việt	Nữ	A1	6.16	6.49	7
228	0701208	Vũ Thị Thu Hương	Nữ	A2	6.15	6.39	5
229	0701001	Nguyễn Đức An	Nam	A6	6.14	6.51	8
230	0701016	Vũ Thị Lan Anh	Nữ	A4	6.13	6.25	3
231	0701078	Nguyễn Thị Đào	Nữ	A4	6.13	6.52	6
232	0701403	Nguyễn Minh Thái	Nam	A4	6.12	6.54	8
233	0701134	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	A5	6.11	6.36	7
234	0701061	Lê Đại Dương	Nam	A4	6.10	6.42	7
235	0701064	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Nữ	A1	6.10	6.43	5
236	0701525	Lưu Thị Thắm	Nữ	A4	6.10	6.48	9
237	0701381	Phạm Thị Thanh Tâm	Nữ	A2	6.09	6.34	4
238	0701420	Nguyễn Văn Thông	Nam	A2	6.09	6.47	8
239	0701317	Đỗ Thị Cẩm Nhung	Nữ	A4	6.08	6.35	8
240	0701140	Bùi Thị Hoa Hiên	Nữ	A6	6.07	6.17	3

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
241	0701014	Trần Thị Hồng Anh	Nữ	A6	6.06	6.60	9
242	0701186	Đoàn Quang Huy	Nam	A1	6.06	6.35	6
243	0701303	Nguyễn Lê Yến Ngọc	Nữ	A1	6.06	6.42	7
244	0701418	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	A4	6.06	6.19	3
245	0701126	Nguyễn Văn Hải	Nam	A5	6.05	6.40	6
246	0701130	Hà Phương Nhung	Nữ	A6	6.04	6.32	8
247	0701505	Hoàng Hải Yến	Nữ	A1	6.03	6.36	7
248	0701154	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	A5	6.02	6.38	8
249	0701074	Tống Anh Dũng	Nam	A1	6.01	6.36	9
250	0701255	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	A4	6.01	6.27	7
251	0701292	Phùng Thị Quỳnh Nga	Nữ	A4	6.01	6.30	6
252	0701379	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	A4	6.01	6.34	6
253	0701393	Phạm Thị Thịnh	Nam	A3	6.00	6.35	7
254	0701465	Trung Thanh Trà	Nữ	A3	6.00	6.24	6
255	0701274	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	A2	5.99	6.23	6
256	0701454	Nguyễn Thị Trang	Nữ	A5	5.97	6.30	10
257	0701501	Vũ Xuân Vọng	Nam	A1	5.97	6.50	7
258	0701298	Nguyễn Thanh Nghị	Nữ	A5	5.95	6.20	6
259	0701305	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	A5	5.95	6.17	6
260	0701392	Lê Văn Thành	Nam	A6	5.95	6.49	9
261	0701286	Nguyễn Thị Mai	Nữ	A1	5.93	6.13	7
262	0701299	Lê Văn Ngọc	Nam	A5	5.93	6.26	8
263	0701429	Hồ Thị Bích Thuỷ	Nữ	A2	5.93	6.28	8
264	0701394	Đặng Thị Thảo	Nữ	A4	5.92	6.18	7
265	0701174	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	A4	5.91	6.38	10
266	0701245	Lê Văn Linh	Nam	A2	5.91	6.29	7
267	0701314	Lê Thị Nhi	Nữ	A6	5.91	6.26	9
268	0701278	Hoàng Văn Minh	Nam	A5	5.90	6.14	7
269	0701040	Đặng Hùng Cường	Nam	A6	5.89	6.37	9
270	0701160	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	A4	5.89	6.22	8
271	0701396	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	A2	5.89	6.29	8
272	0701167	Phạm Huy Hoàng	Nam	A4	5.86	6.23	8
273	0701464	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	A2	5.86	6.20	10
274	0701375	Vũ Xuân Quỳnh	Nữ	A5	5.85	6.44	10
275	0701456	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	A3	5.85	6.33	10
276	0701458	Nguyễn Thuỳ Trang	Nữ	A1	5.85	6.35	12
277	0701470	Nguyễn Văn Trường	Nam	A5	5.85	6.33	12
278	0701034	Đinh Hữu Chỉ	Nam	A6	5.84	6.18	8
279	0701272	Nguyễn Ngọc Mạnh	Nam	A4	5.84	6.08	6
280	0701388	Ngân Thị Thanh	Nữ	A6	5.84	6.21	7
281	0701257	Phùng Thanh Long	Nam	A3	5.83	6.10	4
282	0701158	Võ Thị Hoa	Nữ	A1	5.82	6.01	4
283	0701288	Nguyễn Thị Nga	Nữ	A2	5.82	6.15	6
284	0701058	Phạm Đình Duy	Nam	A6	5.81	6.20	9
285	0701277	Đỗ Dương Minh	Nam	A6	5.80	6.30	15
286	0701405	Phan Anh Huy	Nam	A4	5.80	6.18	9
287	0701467	Vũ Thị Thu Trang	Nữ	A1	5.80	6.24	10
288	0701268	Lê Thị Mai	Nữ	A4	5.79	6.06	10

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
289	0701276	Bùi Công Minh	Nam	A6	5.79	6.25	13
290	0701422	Đỗ Thị Thu	Nữ	A2	5.78	6.19	6
291	0701522	Lê Thị Mai Phương	Nữ	A1	5.78	6.22	10
292	0701412	Trần Quang Thắng	Nam	A6	5.77	6.03	8
293	0701480	Quách Thị ánh Tuyết	Nữ	A1	5.77	6.12	9
294	0701313	Lê Thị Nhân	Nữ	A6	5.75	6.24	12
295	0701336	Vương Thị Ngân	Nữ	A4	5.75	6.38	11
296	0701435	Trịnh Thị Thu Thuỷ	Nữ	A2	5.74	6.31	10
297	0701149	Dương ánh Hiệp	Nữ	A6	5.72	6.07	9
298	0701205	Phạm Thị Thanh Hương	Nữ	A3	5.72	6.20	13
299	0701269	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	A3	5.72	6.26	10
300	0701309	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	A4	5.70	6.31	13
301	0701165	Nguyễn Quốc Hoàn	Nam	A6	5.69	5.92	7
302	0701180	Nguyễn Thị Huế	Nữ	A5	5.68	6.09	8
303	0701087	Lê Duy Đông	Nam	A2	5.66	5.91	6
304	0701294	Nguyễn Phùng Ngân	Nam	A6	5.66	6.00	9
305	0701344	Nguyễn Minh Phương	Nữ	A6	5.66	5.99	9
306	0701397	Nguyễn Tuấn Thảo	Nam	A5	5.65	6.05	9
307	0701248	Nguyễn Hoàng Linh	Nam	A6	5.63	5.88	7
308	0701172	Đặng Văn Hoằng	Nam	A5	5.62	5.93	8
309	0701330	Nguyễn Công Ninh	Nam	A1	5.61	5.92	10
310	0701495	Đồng Thị Viên	Nữ	A2	5.61	6.25	14
311	0701062	Nguyễn Huy Dương	Nam	A3	5.59	6.02	10
312	0701164	Trần Tú Hoài	Nữ	A4	5.59	5.93	9
313	0701063	Nguyễn Thị Hà Dương	Nữ	A2	5.58	5.98	11
314	0701102	Nguyễn Doãn Trườn Giang	Nam	A3	5.56	6.25	14
315	0701118	Trần Ngọc Linh	Nam	A3	5.56	5.77	9
316	0701283	Nguyễn Thị Mến	Nữ	A3	5.56	5.92	9
317	0701089	Hùynh Văn Độ	Nam	A6	5.55	6.03	11
318	0701093	Phan Tiến Đức	Nam	A2	5.55	5.90	9
319	0701352	Trịnh Anh Phương	Nam	A2	5.55	6.50	13
320	0701380	Phạm Thị Tâm	Nữ	A3	5.55	6.10	13
321	0701508	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	A6	5.54	6.13	13
322	0701372	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	A1	5.52	6.09	12
323	0701068	Đoàn Anh Dũng	Nam	A1	5.51	6.12	11
324	0701252	Lê Thị Loan	Nữ	A1	5.50	6.03	12
325	0701032	Nguyễn Văn Chiến	Nam	A5	5.49	6.16	13
326	0701321	Mông Thị Hồng Nhung	Nữ	A6	5.49	5.99	11
327	0701479	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	A2	5.49	6.01	13
328	0701223	Đỗ Khang	Nam	A6	5.48	6.01	12
329	0701338	Đàm Thị Phương	Nữ	A4	5.48	6.18	16
330	0701378	Đỗ Mạnh Tâm	Nam	A1	5.48	6.00	12
331	0701213	Dương Ngọc Hùng	Nam	A4	5.47	6.01	13
332	0701419	Nguyễn Thị Thịnh	Nữ	A3	5.47	5.87	8
333	0701211	Trần ánh Vân Hường	Nữ	A5	5.46	6.16	15
334	0701409	Nguyễn Mạnh Thắng	Nam	A1	5.46	5.97	13
335	0701182	Khuất Duy Huệ	Nam	A3	5.45	5.80	11
336	0701447	Phạm Thị Thu Thuỷ	Nữ	A1	5.45	6.03	12

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
337	0701138	Vũ Thị Thuý Hằng	Nữ	A1	5.41	6.07	11
338	0701442	Nguyễn Thị Thương	Nữ	A2	5.40	6.20	16
339	0701482	Hà Bá Tiến	Nam	A2	5.40	5.77	9
340	0701524	Chu Thị Mến	Nữ	A3	5.40	5.73	8
341	0701097	Trương Minh Đức	Nam	A4	5.38	6.14	14
342	0701362	Nguyễn Tiến Quân	Nam	A4	5.36	5.91	12
343	0701139	Vũ Văn Hậu	Nam	A4	5.35	6.09	15
344	0701427	Vũ Kim Thuỳ	Nữ	A4	5.32	6.04	17
345	0701500	Nguyễn Thế Vĩnh	Nam	A2	5.32	5.79	13
346	0701414	Nguyễn Thị Hường	Nữ	A4	5.28	5.75	13
347	0701496	Nguyễn Hoàng Việt	Nam	A3	5.28	6.09	17
348	0701463	Vũ Thị Huyền Trang	Nữ	A3	5.26	6.02	15
349	0601401	Đinh Hoàng Thu	Nữ	A6	5.25	6.01	12
350	0701026	Vũ Thế Bình	Nam	A3	5.25	5.86	15
351	0701086	Hoàng Sĩ Quân	Nam	A6	5.25	5.85	13
352	0701382	Trần Minh Tâm	Nam	A6	5.25	6.23	18
353	0701214	Nguyễn Bá Hùng	Nam	A3	5.24	5.99	17
354	0701029	Quách Thị Kim Chi	Nữ	A6	5.21	5.94	17
355	0701259	Trương Thanh Long	Nam	A2	5.21	5.84	15
356	0701367	Phạm Văn Quí	Nam	A6	5.21	5.90	16
357	0701407	Đinh Toàn Thắng	Nam	A3	5.21	5.89	16
358	0701220	Trần Sỹ Hùng	Nam	A3	5.20	5.87	14
359	0701490	Nguyễn Huấn	Nam	A1	5.19	5.79	14
360	0701349	Phan Thị Phương	Nữ	A3	5.18	5.79	12
361	0701155	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	A4	5.17	5.90	16
362	0701060	Hứa Thị Hà Duyên	Nữ	A4	5.16	5.64	16
363	0701370	Nguyễn Lệ Quyên	Nữ	A2	5.16	5.77	16
364	0601320	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	A3	5.15	5.88	14
365	0701461	Trần Thu Trang	Nữ	A5	5.14	6.00	15
366	0701194	Trần Đăng Huynh	Nam	A2	5.12	6.00	16
367	0701137	Vũ Thị Hằng	Nữ	A2	5.10	5.83	19
368	0701166	Đỗ Mạnh Hoàng	Nam	A5	5.10	5.81	18
369	0701390	Nguyễn Hoàng Thao	Nam	A1	5.10	5.82	19
370	0701471	Đặng Đức Tuân	Nam	A4	5.10	5.88	21
371	0701043	Vũ Thị Cúc	Nữ	A1	5.09	5.95	15
372	0701099	Đoàn Thị Hương Giang	Nữ	A3	5.09	5.83	17
373	0701279	Nguyễn Thị Mai	Nữ	A3	5.07	5.70	21
374	0701046	Bùi Thị Diệp	Nữ	A5	5.06	5.73	14
375	0701494	Võ Thị Kiều Vân	Nữ	A3	5.06	5.61	14
376	0701090	Lê Hoàng Đức	Nam	A5	5.05	5.76	18
377	0701077	Phạm Linh Đa	Nam	A4	5.04	5.86	17
378	0701144	Nguyễn Thị Loan	Nữ	A1	5.04	6.05	17
379	0701459	Thái Huyền Trang	Nữ	A4	4.98	5.82	20
380	0601194	Đỗ Công Huế	Nam	A4	4.97	6.02	18
381	0701123	Đỗ Văn Hải	Nam	A6	4.97	5.61	17
382	0701516	Suon Piseth	Nam	A1	4.97	6.08	19
383	0701091	Nguyễn Anh Đức	Nam	A4	4.95	5.55	18
384	0701243	Đỗ Ngọc Linh	Nam	A3	4.93	5.72	19

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
385	0701445	Trần Hữu Tiến	Nam	A5	4.93	5.80	19
386	0701082	Nguyễn Thị Lai	Nữ	A6	4.92	5.56	16
387	0701050	Đỗ Ngọc Dung	Nữ	A4	4.90	5.92	21
388	0701270	Dương Hồng Mạnh	Nam	A5	4.90	5.65	21
389	0701385	Đỗ Thế Tài	Nam	A3	4.90	5.68	16
390	0701196	Nguyễn Huy Hưng	Nam	A6	4.89	5.59	19
391	0701468	Nguyễn Xuân Thành	Nam	A2	4.88	5.66	23
392	0701308	Nguyễn Văn Nguyện	Nam	A2	4.87	5.54	16
393	0701469	Ngô Việt Trường	Nam	A6	4.86	5.84	18
394	0701059	Vũ Văn Duy	Nam	A5	4.78	5.63	20
395	0701487	Nguyễn Hữu Vân	Nam	A4	4.77	6.06	22
396	0701377	Trịnh Xuân Sơn	Nam	A2	4.76	5.59	22
397	0701247	Nguyễn Đặng Linh	Nam	A1	4.75	5.81	17
398	0701452	Mai Thị Trang	Nữ	A1	4.75	5.66	24
399	0601121	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	A4	4.71	5.94	22
400	0701474	Phạm Minh Tuấn	Nam	A3	4.71	5.55	24
401	0701280	Lê Đình Nam	Nam	A4	4.70	5.70	23
402	0701067	Nguyễn Văn Dương	Nam	A2	4.69	5.29	19
403	0701366	Trần Ngọc Quách	Nam	A4	4.68	5.85	20
404	0701363	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	A2	4.67	5.56	21
405	0701057	Trần Thị Dung	Nữ	A3	4.58	5.39	26
406	0701024	Lê Văn Bình	Nam	A4	4.54	5.85	22
407	0701512	Alounny VANMANIVONG	Nữ	A1	4.51	5.51	21
408	0701261	Lê Quang Lợi	Nam	A6	4.49	5.60	21
409	0701361	Đinh Ngọc Quang	Nam	A5	4.47	5.51	22
410	0701514	Phaiphasou RASPHONE	Nữ	A1	4.47	5.68	23
411	0701371	Bùi Văn Quỳnh	Nam	A5	4.42	5.83	24
412	0701472	Lê Anh Tuấn	Nam	A3	4.41	5.90	25
413	0701364	Lâm Văn Quảng	Nam	A1	4.37	5.42	28
414	0701080	Nguyễn Anh Dũng	Nam	A3	4.36	5.75	22
415	0701222	Nguyễn Việt Kha	Nam	A1	4.36	5.25	28
416	0701092	Lưu Thị Lan	Nữ	A2	4.34	5.46	26
417	0701162	Vũ Đức Hoà	Nam	A1	4.32	5.64	28
418	0701098	Lê Thị Hồng Gấm	Nữ	A2	4.31	5.50	27
419	0701260	Lê Quý Lộc	Nam	A1	4.26	5.26	28
420	0701513	Bouavanh LAOXONG	Nữ	A1	4.24	5.43	24
421	0701519	Seng Ileng	Nam	A1	4.23	5.48	28
422	0601028	Đào Xuân Bách	Nam	A1	4.22	5.55	25
423	0601075	Bùi Thế Duyệt	Nam	A1	4.17	5.61	27
424	0701037	Phùng Sĩ Công	Nam	A3	4.15	5.66	29
425	0701337	Nguyễn Doãn Phong	Nam	A5	4.10	5.65	26
426	0701518	Hin Vireak	Nam	A1	3.98	5.56	28
427	0601165	Trịnh Trung Hiếu	Nam	A5	3.97	5.52	30
428	0501405	Quách Văn Tỉnh	Nam	A5	3.92	5.46	35
429	0601081	Trần Đại Dương	Nam	A2	3.88	5.70	31
430	0701386	Nguyễn Thành Công	Nam	A3	3.80	5.53	35
431	0601448	Dương Văn Tuấn	Nam	A4	3.74	5.39	35
432	0601010	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	A1	3.66	5.29	36

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

NI£M YÕT

BẢNG ĐIỂM XẾP THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH LẦN 1

Năm học : **2011-2012** Khoá :**62** Hệ chính qui-01 Số ĐVHT: **

Tính cho học kỳ : **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Điểm TBL1	Điểm TBHT	Số HP có điểm lần 1 < 5
433	0701340	Lương Cao Phương	Nam	A4	3.66	5.36	33
434	0701515	Saysamooth PHANOUVONG	Nữ	A1	3.59	5.43	34
435	0601054	Cao Văn Cường	Nam	A1	3.43	5.17	30
436	0501437	Lê Minh Tuấn	Nam	A4	3.42	4.93	34
437	0601288	Lê Quang Minh	Nam	A4	3.24	5.81	38
438	0601363	Nguyễn Văn Sơn	Nam	A6	3.22	5.44	40
439	0701517	Nou savuth	Nam	A1	3.21	5.12	39

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2012
T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Thống kê kết quả thi :	TBL1 (%)	TBHT (%)
- Xuất sắc :	0.00	0.00
- Giỏi :	1.14	1.14
- Khá :	17.08	21.18
- TB Khá :	39.64	54.21
- Trung bình :	28.25	23.23
- Yếu :	10.71	0.23
- Kém :	3.19	0.00